

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 15 - 10 - 2019

V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-DS ngày 27/5/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Trần Văn T (tên gọi khác: T1), sinh năm: 1982 và bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh L.

Ông Q có mặt; bà V, ông T và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V trình bày: Vợ chồng ông có bán phân, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L nhiều lần. Đến ngày 05/10/2017 hai bên kết sổ ông T, bà L còn nợ số tiền gốc là 199. 683.000 đồng và hẹn đến ngày 02/5/2018 trả, nhưng đến ngày 14/5/2018 ông T, bà L trả được 20.000.000 đồng, còn lại 179.683.000 đồng không trả nữa. Số nợ này vợ chồng ông Q, bà V yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay ông T,

bà L chưa thanh toán. Do đó, vợ chồng ông Q, bà V khởi kiện yêu cầu ông T, bà L thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc còn là 179.683.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày ngày 14/5/2018 đến ngày 15/10/2019 là 17 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng, tiền lãi là 24.436.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 204.119.800 đồng trả một lần trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà V. Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 107/TB-TLVA ngày 27/5/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 171/TB-TA ngày 27/5/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 191/TB-TA ngày 12/6/2019 đã niêm yết hợp lệ cho ông T, bà L theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T, bà L không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được với ông T, bà L. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn ông Trần Văn T (tên gọi khác: T1), sinh năm: 1982 và bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã niêm yết hợp lệ cho ông T, bà L theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T, bà L không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T, bà L không có mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông T, bà L là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V khởi kiện ông Trần Văn T (tên gọi khác: T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tổng cộng gốc và lãi là 204.119.800 đồng được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tổng cộng gốc và lãi là 204.119.800 đồng, yêu

cầu trả một lần trong thời gian sớm nhất. Xét thấy, yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (biên nhận nợ có chữ ký nhận nợ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà V đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L. Xử buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V số tiền tổng cộng gốc và lãi là 204.119.800 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự.

[2] Đối với bị ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V đối với ông Trần Văn T (tên gọi khác: T1) và bà Nguyễn Thị Trúc L.

Xử buộc ông Trần Văn T (tên gọi khác: T1) và bà Nguyễn Thị Trúc L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V số tiền gốc và lãi tổng cộng là 204.119.800 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu một trăm mười một ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 10.119.800 đồng (mười triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V 4.923.000 đồng (bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007174 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Q báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THA-DS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

